

VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

TS. Trần Thị Hồng Phương

ThS. Tô Xuân Hùng

Tóm tắt: Nông nghiệp là một khu vực kinh tế chủ yếu của Việt Nam. Bài nghiên cứu này đề cập tới vị trí, vai trò, thực trạng phát triển và đề xuất các kiến nghị tiếp tục phát triển nền nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Kinh tế, nông nghiệp, phát triển nông nghiệp.

Summary: Agriculture is a major economic sector of Vietnam. This research paper mentions the position, role, development status and proposes recommendations to continue developing Vietnam's agriculture in the new context.

Keywords: Economy, agriculture, agricultural development.

1. Nhìn lại vai trò của nông nghiệp trong hệ thống kinh tế quốc dân

1.1. Đặc điểm của nền nông nghiệp Việt Nam

Nông nghiệp (NN) là một ngành sản xuất lớn, bao gồm: trồng trọt, kể cả lâm nghiệp; chăn nuôi, kể cả thủy sản; sơ chế nông sản. NN gắn chủ yếu với cây trồng, vật nuôi nên bị chi phối nhiều bởi quy luật sinh học và các điều kiện đất đai, khí hậu. Đa số các nước trên thế giới xác định NN là một ngành kinh tế đặc biệt quan trọng (như Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Mỹ, Đức, Anh, Hà Lan, Việt Nam).

Hiện tại cũng như tương lai, NN đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội mà không ngành nào có thể thay thế được. NN hiện đại vượt ra khỏi NN truyền thống với các sản phẩm khác như: sợi dệt, chất đốt, sinh vật cảnh, lai tạo giống, v.v. NN là nguồn cung cấp ngoại tệ thông qua xuất khẩu nông sản, ví dụ ở các nước Úc, Canada, Đan Mạch, Thụy Điển, Mỹ và cả Việt Nam. NN và nông

thôn luôn là thị trường rộng lớn về hàng tiêu dùng của dân cư nông thôn, hàng hóa tư liệu sản xuất (phân bón, thuốc trừ sâu, thú y, trang thiết bị).

NN có vai trò rất lớn trong việc bảo tồn tài nguyên sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo chất lượng cuộc sống xanh, sạch, đẹp cho người dân. Nông nghiệp không thể thiếu đối với việc thực hiện thành công công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH-HĐH) đất nước.

NN Việt Nam mang đậm nét nông nghiệp nhiệt đới; mỗi vùng, miền có cơ cấu sản xuất và hệ thống canh tác khác biệt, phải đối mặt với những khó khăn to lớn, như hàng năm phải chịu đựng ít nhất 10 cơn bão lớn, hàng trăm cơn lũ, lụt, ngập úng, hạn hán gây thiệt hại lớn... Khí hậu nóng ẩm cũng là điều kiện tăng hiểm họa dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Từ đó làm tăng tính lệ thuộc của NN với thiên nhiên và làm giảm sức hấp dẫn đối với đầu tư. Ngoài ra, NN Việt Nam có pha trộn ít nhiều khí hậu mang tính á nhiệt đới trải khắp từ Nam ra Bắc

và từ vùng thấp lên vùng cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng, vật nuôi.

Việc đẩy mạnh sản xuất nông sản để xuất khẩu (gạo, cà phê, cao su, hoa quả) là phương hướng phát triển đúng đắn nhằm phát huy thế mạnh của nền NN nhiệt đới. NN còn là hoạt động kinh tế chủ yếu ở nông thôn, tạo nên lượng hàng hóa nông sản phong phú và sức cạnh tranh đáng kể. Kinh tế nông thôn (KTNT) đang chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa (SXHH) đa dạng hóa với việc đẩy mạnh các vùng NN chuyên môn hóa, như vùng cà phê, vùng cao su, vùng lúa,...

1.2. Vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế, xã hội đất nước

1.2.1. Giai đoạn phục hồi trước đổi mới

Giai đoạn 1975 – 1985, nền kinh tế dựa chủ yếu vào 2 thành phần kinh tế nền tảng là hợp tác xã (HTX) và doanh nghiệp Nhà nước; tuyệt đại bộ phận nông dân vào HTX nông nghiệp cùng với phong trào tập thể hóa cao độ ruộng đất của nông dân. Riêng miền Bắc đã xây dựng HTX từ năm 1958. Hợp tác hoá trong NN ở miền Nam được đẩy nhanh theo mô hình miền Bắc, song do không phù hợp, đến năm 1980, phần lớn HTX tan rã, hiện tượng “khoán chui” ngày càng phổ biến. Chỉ thị 100/CT/TW (khoán 100) của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động ngày 13/01/1981, đã thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất NN, nâng cao thu

nhập và đời sống của nông dân, tăng khối lượng nông sản cung ứng cho nhà nước¹. Cụ thể, sản lượng lương thực đã tăng bình quân 5%/năm; lương thực cung ứng cho thương mại Nhà nước tăng lên 3,478 triệu tấn năm 1985, gấp đôi so với thời kỳ 1976 – 1980². Thành công này đã giúp nước ta thoát khỏi nạn đói thường xảy ra, kinh tế dần đi vào ổn định.

1.2.2. Giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)

Thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng, hơn 35 năm qua, nông nghiệp, nông thôn đã giành được những thành tựu to lớn và toàn diện. Nhờ có giải pháp phù hợp và sự nỗ lực sáng tạo của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế, ngành NN đã nổi lên là khu vực đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Sản lượng lúa đạt kỷ lục 42,4 triệu tấn, trong đó, xuất khẩu trên 7 triệu tấn gạo, trị giá 3,7 tỉ USD³.

Chủ trương đổi mới toàn diện nền kinh tế là một luồng gió mới huy động cao mọi nguồn lực để phát triển, trước hết là ngành NN. Nghị quyết 10 NQ/TW của Bộ Chính trị (4/1988) về đổi mới quản lý kinh tế NN, đặc biệt, chính sách trao quyền tự chủ cho kinh tế hộ đã cho phép nông dân tiếp cận với đất đai và các tài nguyên rừng, biển, mặt nước. Thêm vào đó, chính sách tự do hóa thương mại và đầu tư (TM&ĐT) đã tạo cú hích thực sự

¹ Nguồn: Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam

² Gắn bó cùng Nông nghiệp -Nông thôn -Nông dân trong đổi mới, TS. Nguyễn Văn Tiêm, NXB NN, Hà Nội, 2005

³ Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII (www.baodientu.chinhphu.vn).

cho hình thành nền NN hàng hóa, xóa bỏ tình trạng ngăn song cấm chợ. Việt Nam đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo. Đó thực sự là bước chuyển biến mang tính đột phá của ngành NN Việt Nam. Luật Đất đai năm 1993, Nghị quyết 5 TW khoá VII (6/1993), Luật Hợp tác xã (4/1996) với nội dung cơ bản về đổi mới NN đã xác định: 1) Hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao đất, được cấp sổ đỏ với 5 quyền sử dụng đất lâu dài. Phát triển mạnh kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại gia đình theo hướng hàng hoá gắn với thị trường; 2) Từng bước đổi mới mô hình HTX kiểu cũ. Luật Hợp tác xã 2012 khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác đa dạng về quy mô và trình độ với điều kiện cụ thể của từng vùng.

Nhìn chung, đổi mới của nền kinh tế nói chung và ngành NN nói riêng tạo ra những tiền đề vững chắc về kinh tế, từng bước khắc phục sự tụt hậu so với mức các nước trong khu vực và thế giới. Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiệm vụ đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Trong quá trình đó, định hướng chung là tăng tỷ trọng của công nghiệp, dịch vụ (CN–DV), giảm dần tỷ trọng của ngành NN trong tổng sản phẩm trong nước (GDP), nhưng không có nghĩa là giảm sự đầu tư và giảm sự đóng góp của NN vào GDP của cả nước. Vấn đề là, phải tìm mọi biện pháp để thúc đẩy nền NN nước ta phát triển theo hướng hiện đại, để vẫn tiếp tục tăng đóng góp cho

nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành CN–DV tăng trưởng cao hơn.

2. Những kết quả đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp

Với quá trình phát triển nông nghiệp bền bỉ, Việt Nam từ nước thiếu đói trở thành nước dư thừa lương thực và có cung lương thực tính theo đầu người thuộc diện cao nhất trong các nước đang phát triển. Hội nhập quốc tế đã đem đến cơ hội thị trường, phát huy lợi thế so sánh, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Từ năm 2010 đến nay, xuất khẩu nông sản mỗi năm đạt trên 10 tỷ USD; năm 2022 đạt trên 50 tỷ USD, trong đó, thủy sản, gạo, cao su, cà phê và hạt điều là 5 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn. Theo đánh giá của Thời báo Tài chính Anh, kinh tế Việt Nam đã khởi sắc từ lĩnh vực được coi là “đáy” của nền kinh tế. Việt Nam là nước xuất khẩu hàng đầu về hạt điều và hạt tiêu đen, đứng vị trí thứ hai về xuất khẩu gạo và cà phê, đồng thời là nhà cung cấp chính các sản phẩm cá nuôi của thế giới. Hàng triệu hộ nông dân Việt Nam đã và đang trở thành nhà cung cấp các nông sản hàng hóa với khối lượng lớn. Tuy vậy, cũng cần lưu ý lời cảnh báo của ông Prakash Jhanwer rằng, “Việt Nam có những người nông dân tốt nhất châu Á, nhưng phát triển thông qua sự thay đổi nông nghiệp là rất khắc nghiệt”⁵. Nhu cầu đối với các mặt hàng như gạo, lúa mì, ngũ cốc, thủy sản,... vẫn ngày một tăng khi số dân tiếp tục tăng và những biến đổi bất thường của khí hậu đang và sẽ tác động sâu gây mất mùa, dịch bệnh.

⁵ Người đứng đầu Văn phòng của Tập đoàn Olam International (www.vietnamplus.vn)

NN Việt Nam đang giữ vai trò chiến lược dài hạn trong giảm nghèo ở các địa phương, là “đệm chống sốc” quan trọng trong giai đoạn khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Việc chủ động hội nhập quốc tế sẽ giúp NN Việt Nam có nhiều cơ hội phát triển, song cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức. Tiềm năng, thế mạnh NN của Việt Nam tuy là rất lớn song giá trị các ngành hàng mang lại chưa tương xứng. Tình trạng này đã kéo dài nhiều thập kỷ, mặc dù đã có sự thay đổi nhận thức, ứng dụng khoa học – kỹ thuật (KH-KT), nhưng dường như ít có sự chuyển biến. Khâu vướng nhất của NN Việt Nam hiện nay là chất lượng thấp và tổn thất sau thu hoạch rất lớn. Tổ chức kinh tế nước ngoài cho rằng, NN Việt Nam phải hướng tới mục tiêu chuyển từ khối lượng sản xuất lớn sang giá trị cao. Chưa ở quốc gia nào, nông dân trồng cà phê, lúa gạo được xếp hạng xuất khẩu hàng đầu thế giới lại nghèo như ở Việt Nam.

Để đón nhận và triển khai có hiệu quả các cơ hội mới, Việt Nam đã và đang điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo môi trường đầu tư bình đẳng, kể cả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho NN. Quy mô kinh tế nông hộ nhỏ đã làm hạn chế khả năng ứng dụng khoa học- kỹ thuật (KH-KT). Công nghiệp chế biến nông sản lạc hậu làm cho hàng nông sản Việt Nam bị yếu thế ngay cả trên sân nhà. NN phải xây dựng được thương hiệu với chỉ dẫn địa lý quốc gia. Điều này khiến nhiều chuyên gia kinh tế nghi ngại, liệu Việt Nam có bị “mắc kẹt” trong phân khúc thị trường hàng hóa thấp cấp?. Nhiều mặt hàng có tiềm năng lớn, như cà phê nhưng

phải xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô khiến Việt Nam mất hàng tỷ USD và hàng nghìn việc làm cho lao động trong nước. Các chuyên gia cho rằng, đã đến lúc ngành NN phải tổ chức lại sản xuất và xuất khẩu. Xuất khẩu phải có chọn lọc theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Nếu tạo ra được những nông sản giá trị cao thì tính rủi ro trên thị trường sẽ giảm. NN phải chọn những giống chất lượng, đạt tiêu chuẩn, chứng chỉ quốc tế. Việc quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu phải được tiến hành. Không nên cố gắng “nhảy vọt” để tăng sản lượng, mà cần nâng cấp để tăng chất lượng. Cần có chính sách hỗ trợ phát triển NN với nhiều rủi ro.

Để nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, vấn đề không chỉ là xuất khẩu được một số mặt hàng có khối lượng lớn, mà còn phải giải quyết thành công vấn đề an ninh lương thực (ANLT), xóa đói giảm nghèo (XĐGN), tức là không chỉ giải quyết vấn đề NN, mà cả ở giải quyết tốt các vấn đề kinh tế, xã hội của nông thôn và nông dân.

3. Nâng cao nhận thức và tầm nhìn mới về nông nghiệp

3.1. Nhận thức mới về nông nghiệp

NN có vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, là nền tảng của nền kinh tế, cung cấp các nguồn nhân, tài, vật lực cho CN-DV, là nơi tiêu thụ các yếu tố đầu ra và cung cấp các yếu tố đầu vào cho toàn bộ nền kinh tế, kể cả cho an ninh – quốc phòng.

NN còn có vai trò giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đang và sẽ tiếp tục góp phần quan trọng

vào nâng cao đời sống của nông dân, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo.

NN có vai trò quan trọng không thể thiếu trong việc thực hiện sản xuất sạch, góp phần bảo vệ môi trường (BVMT) sinh thái, bảo tồn quỹ gen và phát triển bền vững (PTBV) trong nông thôn.

Bối cảnh mới đòi hỏi phải có tầm nhìn mới về vai trò của ngành NN và mối quan hệ hữu cơ giữa nông nghiệp – nông thôn (NN–ND–NT). Vẫn còn nhiều người coi nhẹ lĩnh vực NN khi đơn giản cho rằng, với việc tăng tỷ trọng của các ngành CN–DV, giảm dần tỷ trọng của NN trong GDP. Việc giảm dần tỷ trọng NN trong cơ cấu GDP hoàn toàn không có nghĩa rằng, vai trò của NN giảm đi.

Vấn đề là ở chỗ, cần nâng cao chất lượng tăng trưởng của NN và hiện đại hóa NN vốn là ngành truyền thống lâu đời sử dụng lao động thủ công.

NN nước ta cần phát triển ở một tầm cao hơn thể hiện ở chiều sâu, chất lượng tương tự như đối với CN–DV. Gắn liền với NN là nông dân và nông thôn. Sự phát triển của NN đang và sẽ tiếp tục góp phần quan trọng vào nâng cao đời sống của nông dân, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội nông thôn. Chỉ khi nào quan tâm thỏa đáng đến lợi ích, nâng cao được mức sống vật chất và tinh thần của nông dân thì khi ấy mới thật sự tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn đi lên, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển toàn bộ nền kinh tế.

Hộp 1. Nền nông nghiệp mới + Nông dân mới = Nông thôn mới

(i) Nông nghiệp là cơ sở và bàn đạp cho CNH–HĐH nền kinh tế quốc. Muốn đưa nông nghiệp hội nhập quốc tế, phải nâng cao hiệu quả, chất lượng sản xuất NN, nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng của từng loại sản phẩm, từng khâu của sản xuất NN.

NN có vai trò giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội, góp phần quan trọng vào nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm, XĐGN và có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện sản xuất sạch, bảo vệ môi trường, bảo tồn quỹ gen và phát triển bền vững nông thôn.

(ii) Người nông dân là chủ thể và giữ vai trò quyết định đối với quá trình phát triển NN–NT. Lao động tại NT phải có kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu phát triển nông thôn mới (NTM). Nếu NN, NT kém phát triển thì nông dân sẽ nghèo nàn, muốn ly hương. Việc phát triển NN–NT và đưa nông dân vươn lên kịp với trào lưu tiến bộ của thời đại mới thật là khó khăn, gian khổ, nếu thành công thì góp phần xứng đáng cho sự nghiệp phát triển của cả nền kinh tế và của đất nước.

(iii) Sự phát triển nông thôn bao quát tất cả các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, nhằm đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống hiện đại của cộng đồng và mỗi cá nhân. Cần thay đổi bộ mặt nông thôn, đưa nông thôn phát triển ngang tầm so với thành thị, khắc phục cơ bản tình trạng lạc hậu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở NT. NT là một địa bàn để giữ gìn và tô điểm môi trường sinh thái của loài người,

chứa đựng “lá phổi” và “trái tim” của sự sống trên thế giới. NT hiện đại là nơi con người được sống, gắn bó hài hòa với thiên nhiên, cây cỏ, chim muông; là nơi nghỉ mát trong lành, giải trí phong phú, là vùng du lịch sinh thái đa dạng, trong lành.

(iv) Việc xây dựng NTM là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. Tuy nhiên, trong đó cần vai trò ưu tiên của đầu tư của Nhà nước và của mọi DN theo một chương trình tổng thể với tầm nhìn dài hạn. Do đó, cần tổ chức xây dựng NTM với tầm nhìn mới, gồm cả NN mới và ND mới. (Nguồn: Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Tầm nhìn mới, Tổ chức quản lý mới, Bước đi mới - GS. Tô Xuân Dân và cộng sự)

3.2. Phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp Việt Nam

Chiến lược bảo tồn thế giới (Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên Quốc tế) đề ra nội dung: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế, mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”⁶. Phát triển bền vững phải bảo đảm sự phát triển hài hòa: kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ, luôn luôn được diễn ra trong trạng thái cân bằng động. Tất cả các thành phần kinh tế, chính quyền, các tổ chức xã hội phải hợp tác chặt chẽ phát triển hài hòa 3 trụ cột chính: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Rõ ràng là, phát triển bền vững đã trở thành một nội dung cấu thành quan trọng trong chiến lược phát triển của hầu hết quốc gia trên thế giới. Nó phản ánh sự quan ngại về việc một số quốc gia muốn tăng trưởng kinh tế vội vã, chọn cách phát triển thiếu cân, mà không để ý đến những nguy hại dài lâu của cách thức phát triển ấy đến môi trường sinh thái, đến trữ lượng hữu hạn của tài nguyên

thiên nhiên (TNTN). Ở Việt Nam, trước đổi mới, việc phát triển kinh tế nước ta đã theo xu hướng ấy, tức chú ý hơn đến tăng trưởng về mặt số lượng với việc sản xuất lượng sản phẩm ngày càng nhiều. Cách tăng trưởng như vậy không lường trước được những hậu quả tiêu cực khôn lường đối với các thể hệ hiện tại và tương lai và được gọi là “chúng ta đã vay trước của con cháu tương lai của chúng ta”.

Nhờ quá trình đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là đổi mới tư duy, Việt Nam đã nhận thức được rõ hơn và chủ động đề ra cách nhìn mới, quan điểm mới về phát triển. Tăng trưởng kinh tế cao là rất cần thiết, song tăng trưởng với tốc độ cao cũng chỉ là tăng trưởng về số lượng, chưa được coi là phát triển; chỉ mang yếu tố phát triển khi đạt được cả ba mặt: (i) Tăng trưởng kinh tế có chất lượng (thông qua nâng cao hiệu quả, năng suất lao động); (ii) Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội; (iii) Tăng trưởng kinh tế trên cơ sở bảo vệ và cải thiện môi trường.

Như vậy, môi trường đã trở thành yếu tố nội sinh và quan trọng của sự phát

⁶ Được phổ biến rộng rãi từ 1987 nhờ Báo cáo Brundtland của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED).

triển, là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững.

Vấn đề phát triển bền vững được nhận thức khá sớm và được cụ thể hóa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010), (2011 - 2020) và (2021-3030), Đảng và Nhà nước đều đề ra mục tiêu này và coi đây là một trong những mục tiêu tổng quát nhất. Với điểm xuất phát thấp, muốn tăng trưởng cao và chống tụt hậu, một lượng vốn lớn là rất cần thiết. Điểm nổi bật nhất là sự tăng lên mạnh mẽ của đầu tư kinh tế tư nhân với tỷ trọng trong tổng số vốn ngày càng cao.

Đã có các doanh nghiệp từ hơn 100 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. FDI cùng với vốn ODA đã góp phần tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, tăng kim ngạch xuất khẩu, đóng góp ngân sách. Nguồn vốn ODA được ưu tiên cho phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội, góp phần tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Nhiều công trình quan trọng về giao thông vận tải, năng lượng, thủy lợi, giá dục - đào tạo, khoa học - công nghệ (KH-CN), y tế, chăm sóc sức khỏe... đã được xây dựng, nâng cấp. ODA còn góp phần tăng cường năng lực và thể chế thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ xây dựng pháp luật, cải cách hành chính, xây dựng chính sách, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tỷ trọng nguồn vốn Nhà nước trong cơ cấu đầu tư toàn xã hội tuy đã giảm, nhưng vẫn còn

chiếm tỷ lệ lớn, có tác dụng hình thành các công trình trọng điểm của quốc gia, có tác động như là vốn môi để thu hút các nguồn vốn khác Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm của nước ta đạt trên 7%. Năm 2022, quy mô GDP cả nước tăng gấp 10 lần so với năm 2000, tỷ lệ hộ nghèo đạt dưới 5%.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI (tháng 1/2011) đề ra các chỉ tiêu về môi trường, gồm: Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 là 45%; 100% dân cư thành thị/nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng tiêu chuẩn môi trường; 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường; đồng thời chọn ba khâu làm đột phá: i) hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN), trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; ii) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng kho học- công nghệ; iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn⁷. Chính phủ đã ban hành bộ chỉ tiêu phát triển bền vững để theo dõi, giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

⁷ Nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2011 (<https://nhandan.vn/noi-dung-chu-yeu-cua-chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-2011-2020-va-nhiem-vu-trong-tam-cua-nam-2011-post518346.html>).

Văn kiện Đại hội Đảng XIII đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 như sau:

(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường,..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(2) Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế NT gắn với xây dựng NTM; gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

(3) Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

(4) Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, bảo vệ đa dạng

sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường⁸.

Nghiêm túc đánh giá thì sự phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam trong thời gian qua vẫn rất khiêm tốn và còn nhiều bất cập, chủ yếu tăng trưởng kinh tế vẫn là theo chiều rộng, chất lượng kém. Bên cạnh đó là một loạt vấn đề như tái nghèo, chăm sóc sức khỏe người dân bất cập, giáo dục còn nhiều hạn chế.

Thực tế là, hiện nay, trong cách tiếp cận phát triển bền vững đã xuất hiện quan niệm mới, cho rằng, trụ cột của phát triển bền vững không phải chỉ là ba thành tố (kinh tế - xã hội - môi trường), mà phải được mở rộng hơn, có thể là bốn, thậm chí là năm thành tố. Nội hàm của phát triển không chỉ là bền vững, mà còn phải nhanh, bởi xuất phát điểm của nước ta còn thấp, còn nằm trong nhóm nước phát triển trung bình. Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, nhất là từ kinh nghiệm thực tiễn thế giới, một số chuyên gia đã cho rằng, quan niệm về phát triển bền vững chỉ dựa vào ba yếu tố: kinh tế - xã hội - môi trường là chưa thật sự đầy đủ và chưa hàm chứa hết nội dung phong phú của phát triển bền vững.

Như vậy, điều quan trọng là cần phải định hình và tạo lập được một tư duy chiến lược tổng thể cho sự phát triển nhanh và bền vững, hay còn gọi là tư duy phát triển. Chiến lược tổng thể, tư duy phát triển đúng đắn còn góp phần tạo động lực, giúp cho việc lựa chọn và xây dựng được một mô hình phát triển phù

⁸ Văn kiện Đại Hội Đảng CSVN lần thứ XIII

hợp ở Việt Nam. Nguyên nhân chính làm cho sự phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam chưa đạt như mong muốn là do chưa có mô hình phù hợp cho sự phát triển nhanh và bền vững, theo đó còn cần phải kết hợp hài hòa phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu.

Trong tư duy phát triển, Việt Nam vẫn còn thiếu nhân tố hạt nhân cho sự kết hợp và vận hành đồng bộ các yếu tố. Như vậy, tư duy phát triển mang tính khoa học, hệ thống là cơ sở lý luận cho phát triển nhanh và bền vững; phải trở nên bao trùm, xuyên suốt trong chiến lược phát triển đất nước, chỉ đạo nhất quán mục tiêu, phương hướng, giải pháp phát triển bền vững.

Cụ thể, tư duy phát triển gồm: (i) Tư duy về xác định mục tiêu phát triển; (ii)

Tư duy về xác định mô hình phát triển; (iii) Tư duy về phát hiện nguồn lực và tìm động lực mới cho phát triển; (iv) Tư duy về chính sách và biện pháp phát triển.

Yêu cầu phát triển nhanh và bền vững là nội hàm của tư duy phát triển mới, từ đó góp phần vào việc cụ thể hóa và tìm ra giải pháp để thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM. Nền NN Việt Nam chỉ có thể phát triển theo hướng chuyên môn hóa và đa canh; áp dụng công nghệ cao, sạch và hệ thống quản lý hiệu quả trên phạm vi toàn ngành, mỗi vùng, cũng như trên phạm vi trang trại, doanh nghiệp (DN) chế biến, buôn bán nông sản để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản xuất, bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái./.

Tài liệu tham khảo

Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII (www.baodientu.chinhphu.vn)

Báo cáo Brundtland của UB Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED), 1987

1- GS. Tô Xuân Dân, *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Tầm nhìn mới, Tổ chức quản lý mới, Bước đi mới*

2- Đào Huyền, *Từ nông nghiệp khối lượng lớn đến nông nghiệp giá trị cao* (thitruongcaosu.net)

Prakash Jhanwer, Văn phòng của Tập đoàn Olam International (www.vietnamplus.vn)

TS. Nguyễn Văn Tiêm, *Gắn bó cùng Nông nghiệp - Nông thôn - Nông dân trong đổi mới*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2005, tr. 62

3- Văn kiện Đại Hội Đảng CSVN lần thứ XI và XIII